

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TỔNG THỐNG PUTIN VỚI PHƯƠNG TÂY

Đỗ Trọng Quang

Tháng 5/2008, ông Vladimir Putin sẽ kết thúc nhiệm kỳ tổng thống, nhưng bây giờ ta đó có thể nhìn lại chính sách đối ngoại của ông với phương Tây nói chung, với nước Mỹ nói riêng. Không ai phủ nhận rằng dưới sự dẫn dắt của Tổng thống, một nước Nga ốm yếu cách đây 8 năm đã khôi phục vị thế cường quốc, chủ yếu nhờ đường lối thực dụng về đối nội cũng như đối ngoại.

Chỉ mấy giờ sau khi vụ khủng bố ngày 11/9/2001 xảy ra ở Hoa Kỳ, nước Nga đã làm cho cả bạn bè lẫn kẻ thù ngạc nhiên khi bày tỏ sự ủng hộ tích cực và nhanh chóng đối với Hoa Kỳ. Thế giới chưa hết bàng hoàng vì sự ngạc nhiên này, thì lại có những nỗi ngạc nhiên khác dồn dập đến, khi Nga không phản đối quân đội Mỹ đóng ở các nước cộng hòa Xô viết cũ tại Trung Á, không lo ngại sắc sắc lúc Hoa Kỳ đơn phương thông báo rút khỏi hiệp ước ABM. Thậm chí lời phản đối đợt mở rộng thứ hai của khối NATO hình như cũng nhạt đi cuối năm 2001, và không được nêu tại cuộc họp thượng đỉnh Prague tháng 11/2002. NATO và Nga bước vào một kỷ nguyên hợp tác mới với bản Tuyên bố Rome ngày 28/5/2002, và việc thành lập Hội đồng Nga-NATO.

Theo đánh giá của báo chí, những sự kiện đó báo hiệu sự đảo ngược trong chính sách đối ngoại Nga, nhưng nhìn lại 5 năm sau đó, người ta tự hỏi có thật đấy là sự đảo

ngược không? Thực ra, đấy chẳng phải là một bước ngoặt trong chính sách đối ngoại, cũng không phải là một chiến thuật tạm thời, mà nó hoàn toàn thích hợp với tình thế những năm gần đây.

Chính sách đối ngoại Nga có chiều hướng thực dụng từ hơn 8 năm nay. Đầu năm 1997, Nga ký hiệp ước với NATO, chấp nhận sự mở rộng NATO để đổi lấy vài nhượng bộ, như thế đã phủ nhận lời phản đối đợt mở rộng thứ nhất của Khối này. Ngay năm 2000, ông Putin đã sử dụng tất cả ảnh hưởng chính trị của mình để yêu cầu Duma thông qua hiệp ước START II. Nga cũng từ bỏ căn cứ hải quân Cam Ranh ở Việt Nam và trạm radar tại Cuba, chứng tỏ nước Nga có ý định đóng một vai trò mới trên thế giới. Cuối năm 2004, Nga thông qua Nghị định thư Kyoto, một động tác mà Liên minh Châu Âu mong đợi từ lâu.

Gần đây Nga có một số va chạm với cả Liên minh Châu Âu (EU) và Hoa Kỳ do bất đồng về vấn đề Georgia và Ukraine, chế độ dân chủ ở Nga, và tình hình Chechnya, nhưng chưa rõ những diễn biến đó về lâu dài có thể làm quan hệ xáo trộn không.

1. Chính sách đối ngoại của Nga dưới thời Tổng thống Putin

Khi ông Primakov giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao năm 1996, nước Nga đang lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc kéo dài.

Trong khi phải đương đầu với nhiều nguy cơ, từ xu hướng ly khai đến chủ nghĩa khủng bố, nước Nga tác động rất yếu đến diễn biến quốc tế. Khi EU và khối NATO mở rộng thêm, người Nga lo sợ nước mình sẽ bị cô lập trên trường quốc tế. Chính trong bối cảnh này mà Primakov đề ra một đường lối đối ngoại mới, trong đó có mục đích khôi phục vị thế cường quốc lớn. Ông xây dựng chủ trương đối ngoại theo mô hình của Aleksandr Gorchakov, nhà ngoại giao Nga ở thế kỷ 19¹, nhưng thừa nhận rằng nền chính trị nước lớn của thế kỷ đó và tư tưởng đế chế đã lỗi thời. Nước Nga phải bảo vệ mạnh mẽ lợi ích của mình nhưng phải tìm kiếm sự hợp tác, chứ không phải gây xung đột. Primakov từng nói: “Không có kẻ thù thường xuyên, nhưng có lợi ích quốc gia thường xuyên”.

Khi Putin lên cầm quyền, ông tiếp tục chính sách đối ngoại đó. Ông khẳng định mục tiêu biến nước Nga thành một cường quốc lớn, tán thành chủ trương xây dựng một chính sách đối ngoại trên cơ sở lợi ích quốc gia. Văn kiện nhan đề *Khái niệm An ninh Quốc gia của Liên bang Nga* xác nhận ba yếu tố của đường lối đối ngoại Primakov (vị thế cường quốc lớn, thế giới đa cực, và lợi ích quốc gia).

Năm 1999, quan hệ giữa Nga với Hoa Kỳ và các nước Tây Âu rất căng thẳng, NATO mở rộng về phía đông, “nuốt chửng” Ba Lan, Hungary, và Cộng hòa Czech. Tiếp

theo là cuộc khủng hoảng Kosovo, NATO quyết định đơn phương chống Serbia, khiến quan hệ giữa Nga và Tây Âu xấu đi nhiều. Tuy nhiên, Putin chủ trương khôi phục sự hợp tác, trước hết với EU, rồi sau với Hoa Kỳ. Năm 2003, quan hệ Nga-Mỹ lại căng thẳng lần nữa khi liên quân Mỹ-Anh tấn công Iraq. Mặc dầu Nga không ủng hộ hành động của Mỹ ở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nhưng quan hệ giữa hai nước phần lớn không bị tổn hại.

Tương tự như vậy, những cuộc cải cách của Putin sau vụ khủng bố Beslan hay cuộc bầu cử Tổng thống ở Ukraine năm 2004 cũng gây căng thẳng, nhưng không làm cho quan hệ đổ vỡ với EU và Mỹ. Với cách tiếp cận hướng về hòa giải này, vào thời điểm tình thế địa-chiến lược ở Trung và Đông Âu đảo ngược (NATO mở rộng năm 1999 và 2004), Putin có thể được coi là đã tiếp tục và thậm chí thúc đẩy xu hướng thực dụng xa hơn Primakov. Ông bày tỏ lo ngại, nhưng đồng thời cố gắng không để hành động ngoại giao bị ngăn trở với phương Tây. Trong dịp ông được tái cử ngày 14/3/2004, Putin khẳng định lại cách tiếp cận thực dụng trong chính sách đối ngoại: “Chúng ta sẽ chứng tỏ sự linh hoạt và tìm kiếm những cách hòa giải mà cả chúng ta lẫn đối tác đều có thể chấp nhận”.

Mặc dầu Putin không thay đổi về căn bản đường lối đối ngoại Primakov, nhưng dần dần ông bắt đầu nhấn mạnh hai điểm:

Thứ nhất, khái niệm đa cực bị thay bằng *đa phương*. Người ta có thể hiểu diễn biến này là một bước đi nữa theo hướng thực dụng. Bây giờ Putin nhấn mạnh nước Nga

¹ Ở giữa thế kỷ 19, nhà ngoại giao của Nga hoàng là Aleksandr Gorchakov chủ trương một đường lối đối ngoại mạnh trong nhiều lĩnh vực, tái khẳng định vị thế cường quốc lớn của nước Nga sau khi bại trận trong cuộc chiến tranh Crimea năm 1854.

cần phải tăng cường tham gia các vấn đề quốc tế, chứ không thách thức bá quyền của Mỹ.

Thứ hai, Putin coi việc nước Nga hội nhập nền kinh tế thế giới là một ưu tiên tuyệt đối của chính sách đối ngoại. Sự *kinh tế hóa chính sách đối ngoại* này chẳng phải là điều mới mẻ, vì Primakov đã từng nhấn mạnh sự cần thiết phải cơ cấu lại kinh tế để tăng cường vị thế quốc tế của Nga. Tuy vậy, dưới thời Putin, việc kinh tế hóa chính sách đối ngoại đạt tới tầm cao mới.

Trong văn kiện *Nền ngoại giao mới của Nga*, cựu Ngoại trưởng Ivanov tuyên bố: “Mục đích trung tâm của chính sách đối ngoại Nga là tạo ra những điều kiện bên ngoài tối ưu để tiếp tục biến đổi trong nước, có thể làm chính phủ mạnh hơn, cải thiện kinh tế, và tăng phúc lợi cho dân Nga”. Mục tiêu trung tâm trong nền ngoại giao kinh tế tích cực của Nga là hội nhập kinh tế quốc gia vào nền kinh tế thế giới.

Việc kinh tế hóa chính sách đối ngoại được thể hiện thành hai ưu tiên hàng đầu. Ở mức độ toàn cầu, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) trở thành một mục tiêu trung tâm. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, Nga là nước lớn duy nhất không phải là thành viên tổ chức này. Mặc dầu gia nhập WTO đòi hỏi phải cơ cấu lại hơn nữa nền kinh tế Nga, nhưng quy chế tối huệ quốc sẽ khiến nước Nga nắm được nhiều hơn các thị trường nước ngoài, như vậy sẽ tạo được cơ hội buôn bán lớn. Nó được coi là một bước đi quan trọng để dỡ bỏ các biện pháp phân biệt đối xử về buôn bán, và tăng cường tác động

của nước Nga đối với chế độ thương mại toàn cầu.

Ở mức độ khu vực, Putin coi quan hệ đối tác với EU là ưu tiên số một. Là đối tác thương mại quan trọng nhất và láng giềng gần gũi nhất của Nga, EU có tầm quan trọng lớn đối với nước này.

Vì sao nước Nga chọn chính sách đối ngoại thực dụng? Dưới thời Tổng thống Putin, chính sách này là kết quả sự thừa nhận vị thế quốc tế yếu kém của Nga. Nước Nga chọn đường lối thực dụng vì không có lựa chọn nào khác.

Thứ nhất, Nga chẳng có cách nào áp đặt ý muốn của mình cho các nước phương Tây, sự suy yếu của Nga đó thể hiện rõ trong những năm 1990. Nước Nga ở thời kỳ hậu Xô viết đặt cho mình những mục tiêu cao, muốn phục hồi vị thế cường quốc lớn, muốn đưa quan hệ quốc tế vào một cấu trúc đa cực chứ không phải đơn cực. Vậy mà về nhiều phương diện, phương tiện đạt những mục tiêu đó lại rất ít.

Nước Nga lại đứng trước một thảm họa về dân số. Tổng thống Putin coi sự giảm sút dân số là “một trong những nguy cơ trầm trọng nhất”. Theo nguồn tin chính thức, dân số giảm từ 147 triệu năm 1989 xuống 145 triệu năm 2001. Nhà nghiên cứu Boris Kagarlitsky so sánh mức giảm dân số này với tác động của một cuộc chiến tranh hạt nhân nhỏ.

Thứ hai, sự cần thiết cải cách trong nước trở nên cấp bách đến mức Nga không thể cho phép mình có nhiều kẻ thù. Hơn bất cứ ai

khác, Putin hiểu rằng muốn làm cho đất nước hùng mạnh thì các vấn đề nội bộ phải được người Nga giải quyết trước hết ở chính nước Nga. Văn kiện *Khái niệm An ninh Quốc gia của Liên bang Nga* cũng thừa nhận nhiều vấn đề lớn mà nước Nga phải đối mặt cần được người Nga giải quyết ở nước Nga. Bộ trưởng Quốc phòng Sergey Ivanov từng nói: “80% nội dung văn kiện nói về những mối đe dọa bên trong đối với an ninh ở Nga”².

Nếu nước Nga muốn giải quyết các vấn đề cấp bách của mình, thì cần phải có một môi trường quốc tế đáng tin cậy. Ngoài ra, nếu muốn phục hồi kinh tế thì cơ cấu lại nền kinh tế trong nước chưa đủ, mà cần phải thu hút đầu tư và tạo ra cơ hội xuất khẩu. Cách duy nhất để làm điều đó là hội nhập kinh tế thế giới và phát triển quan hệ hợp tác với các quốc gia phương Tây.

Thứ ba, nước Nga có ít cách lựa chọn khác, chẳng có đối tác nào mạnh hơn phương Tây. Dĩ nhiên Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (CIS) có tầm quan trọng sống còn, nhưng rất ít đóng góp được cho sự phục hồi kinh tế rất cần thiết của Nga. Trung Quốc có tiềm năng trở thành một đối tác kinh tế quan trọng trong tương lai. Dân số đồ sộ và nền kinh tế phát triển của nước này có nhu cầu to lớn về nguồn năng lượng và nhiên liệu, những thứ có dư dật ở Siberia. Nhưng mặt khác, Trung Quốc thường bị coi là mối đe dọa tiềm tàng, tranh chấp biên giới giữa hai nước chưa được giải quyết, Trung Quốc đưa nhiều dân di cư

vào vùng Viễn Đông của Nga, ảnh hưởng của Trung Quốc ở Trung Á ngày càng tăng.

Nước Nga, một quốc gia vừa ở châu Âu lẫn châu Á, trông sang cả phương Đông lẫn phương Tây, tìm kiếm quan hệ láng giềng tốt với cả Trung Quốc lẫn Tây Âu. Nước Nga ngày càng phụ thuộc EU về xuất khẩu và viện trợ, trong khi các nước Trung Âu gia nhập NATO và EU, giải thích vì sao Nga sợ bị cô lập ở châu Âu. Bởi thế, phát triển quan hệ tốt với Tây Âu là điều quan trọng sống còn chẳng những để phục hồi kinh tế, mà còn vì lý do địa-chiến lược.

2. Kết quả chính sách đối ngoại của Putin với phương Tây

Cách tiếp cận thực dụng của Nga có thành công không? Đây là một câu hỏi phức tạp mà người ta chưa thể trả lời ngay. Tuy nhiên, có dấu hiệu cho thấy Nga đã thu được một số kết quả, đặc biệt ở hai lĩnh vực được Tổng thống Putin ưu tiên chú ý, tức là sự tham gia của Nga vào các tổ chức đa phương và sự hội nhập của kinh tế Nga vào nền kinh tế toàn cầu.

Nói chung, Nga ngày càng được công nhận là một đối tác trên các diễn đàn đa phương quan trọng như G8. Tháng 6/2002, Nga được chấp nhận là thành viên đầy đủ của G8. Đây là một diễn đàn để thảo luận các vấn đề chính trị và kinh tế cấp bách nhất của thế giới, nên sự tham dự vào các cuộc họp G8 tạo cho Nga cơ hội phát biểu tiếng nói của mình trên một diễn đàn kinh tế quan trọng. Sự gia nhập của Nga vào WTO đã được thảo luận từ lâu, việc kết nạp nước này vào GATT

² Sergey Ivanov, *CDI Russia Weekly* (25 February 2000).

(Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại) được bàn đến từ năm 1993. Tháng 9/2003, Trung Quốc là nước đầu tiên bật đèn xanh cho việc kết nạp Nga vào WTO. Tháng 5/2004, EU và Nga đạt được thỏa thuận song phương về việc kết nạp Nga.

Trong cuộc gặp thượng đỉnh giữa hai tổng thống Putin và Bush ở Bratislava ngày 24/2/2005, hai ông tuyên bố cam kết hoàn thành cuộc thương lượng song phương để Nga gia nhập WTO. Nhiều người công nhận gia nhập WTO sẽ có lợi lâu dài cho Nga, nhưng câu hỏi đặt ra là khi nào nước này được kết nạp. Câu hỏi đó phải do chính Nga trả lời. Việc gia nhập WTO chỉ có thể được thực hiện nếu nền kinh tế Nga đã được chuẩn bị đầy đủ. Tổng thống Putin đã nói: “Gia nhập WTO sẽ chẳng phải là biện pháp khắc phục những vấn đề to lớn nhất mà nước Nga phải đương đầu trong sự phát triển kinh tế của mình. Dù điều gì xảy ra, chúng ta vẫn phải giải quyết những vấn đề căn bản này bằng chính cố gắng của mình...”. Như vậy, việc gia nhập WTO có thể kích thích cải cách trong nước, và là một điều kiện tiên quyết để hợp tác chặt chẽ với EU.

Xét lâu dài, quan hệ giữa Nga với EU sẽ mật thiết hơn. Các nước thành viên EU luôn quan tâm đến Nga, cũng như Nga quan tâm đến EU. Mặc dầu có những va chạm năm 2004 và 2005, nhưng ban lãnh đạo ở cả hai phía bao giờ cũng tái khẳng định quan hệ đối tác chiến lược. EU là đối tác thương mại số một của Nga, hàng xuất khẩu của Nga sang EU tăng lên nhiều sau khi Khối này mở rộng năm 2004. Tuy đầu tư nước ngoài trực

tiếp (FDI) vào Nga vẫn hơi thấp, nhưng các nước châu Âu đã chiếm 62% tổng vốn đầu tư, chưa kể EU là tổ chức giúp đỡ kỹ thuật và kinh tế lớn nhất cho Nga.

Đối với EU, lý do chính để thiết lập quan hệ đối tác mật thiết cũng là lợi ích chiến lược và kinh tế. Trong những năm đầu thời kỳ hậu Xô viết, EU quan tâm chủ yếu đến sự ổn định, nhưng bây giờ quan hệ kinh tế ngày càng tăng và sự bành trướng sang phương Đông của EU đã khiến Khối này và Nga ngày càng phụ thuộc nhau, đối thoại giữa Liên bang Nga và EU được tăng cường đáng kể.

Tại cuộc họp thượng đỉnh ở St. Petersburg tháng 5/2003, Liên bang Nga và EU nhất trí xây dựng bốn “không gian chung”: không gian kinh tế chung; không gian chung về tự do, an ninh và tư pháp; không gian về nghiên cứu, giáo dục và văn hóa; và không gian chung về an ninh bên ngoài. Tháng 5/2005, lộ trình xây dựng bốn không gian chung đã được thông qua trong cuộc họp thượng đỉnh EU-Nga ở Matxcova.

Nga và EU chẳng những hợp tác trong nhiều lĩnh vực, mà còn tỏ ý sẵn sàng thỏa hiệp, dĩ nhiên còn những điểm bất đồng. EU thắc mắc về nhân quyền ở Chechnya và sự có mặt quân đội Nga tại vùng Trans-Dnhep của Moldova. Hai bên bất đồng về vị thế các sắc tộc thiểu số Nga và việc ký hiệp ước biên giới với Latvia và Estonia. Một điểm tranh cãi nữa là chính sách thị thực của EU. Tổng thống Putin đã nhiều lần đề nghị cho công dân Nga đến EU được miễn thị thực, nhưng bị từ chối. Tuy vậy, hai bên nhanh chóng

khẳng định lại quan hệ đối tác chiến lược và cam kết theo đuổi “cuộc đối thoại rất xây dựng”, như lời Ngoại trưởng Lavrov nói tại cuộc họp báo tại Luxemburg ngày 28/2/2005.

Quan hệ giữa Nga và Mỹ phức tạp hơn quan hệ Nga - EU, tuy đã thay đổi từ đầu những năm 1990. Những năm đầu thời kỳ hậu Xô viết, Kozyrev làm Ngoại trưởng, Hoa Kỳ là đối tác ưu tiên của Liên bang Nga non trẻ. Có nhiều hy vọng thiết lập một quan hệ song phương, nhưng những năm cuối 1990, quan hệ rất căng thẳng vào thời điểm NATO mở rộng và cuộc khủng hoảng Kosovo bùng nổ. Tuy vị trí ưu tiên của Mỹ không còn, và Nga bắt đầu chú trọng đến châu Âu, điều đó không có nghĩa là quan hệ với Mỹ bị xem nhẹ. Quan hệ giữa hai siêu cường cũ có những bước thăng trầm, nhưng vẫn được duy trì sau các biến cố ở Kosovo và Iraq vì nhiều lý do.

Trước hết, cả hai nước đều có một số lợi ích chung. Chủ nghĩa khủng bố quốc tế là mối quan ngại từ lâu đối với Liên bang Nga trước khi trở thành ưu tiên chú ý của chính quyền Mỹ. Vụ khủng bố 11/9 ở Hoa Kỳ cho phép Nga gắn liền cuộc xung đột ở Chechnya với cuộc chiến chống khủng bố. Nga và Mỹ cùng quan tâm đến thế ổn định chiến lược quốc tế và việc cấm phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Vấn đề năng lượng thì phức tạp hơn, một mặt dầu lửa Nga có thể giúp Hoa Kỳ đa dạng hóa nguồn cung cấp dầu, nhưng mặt khác hai nước là đối thủ cạnh tranh gay gắt khi đặt ra vấn đề kiểm soát ống dẫn dầu

và nguồn cung cấp ở các nước cộng hòa Xô viết cũ.

Thứ hai, Hoa Kỳ vẫn là bá chủ trong nhiều lĩnh vực quốc tế. Putin hiểu rất rõ rằng, Nga chẳng thể tác động thật sự đến chính sách đối ngoại Mỹ. Là người thực dụng, ông tìm cách không để cho sự bất đồng tạm thời lẫn xáo trộn lâu dài quan hệ song phương, và hơn nữa, cái được của Mỹ không nhất thiết là cái mất của Nga. Người ta hiểu rằng, chính sách đối ngoại của Nga là tìm kiếm những đối tác khác nhau trong những lĩnh vực khác nhau. Thí dụ, quan hệ song phương Nga - Mỹ, dù có tầm quan trọng sống còn, vẫn không ngăn cản Nga bán vũ khí cho những nước bất hòa với Mỹ hay giúp Iran xây dựng nhà máy điện hạt nhân Bushehr. Tính cách thực dụng của Putin là theo đuổi lợi ích quốc gia ở mặt này, đồng thời tránh những trở ngại ở mặt khác.

Vấn đề cốt lõi khiến quan hệ giữa hai nước xấu đi không phải là chế độ dân chủ ở Nga, mà là quyền lợi xung đột nhau, nghiêm trọng nhất là sự cạnh tranh địa-chiến lược ở các nước cộng hòa Xô viết cũ. Đặc biệt, ảnh hưởng của Mỹ ở vùng biển Caspian là một vấn đề gây tranh cãi, vì đây vừa là khu vực rất quan trọng về chiến lược, vừa chứa trữ lượng dầu lửa chưa khai thác lớn nhất thế giới. Hai bên mâu thuẫn nhau vì sự có mặt các công ty dầu lửa Mỹ tại vùng biển Caspian, việc kiểm soát các ống dẫn dầu, sự hiện diện quân đội Mỹ... Mặc dầu Putin không còn nói đến CIS như phạm vi ảnh hưởng của Nga, nhưng Nga vẫn có vai trò

quan trọng tại đây. Tuy vậy, sự bất đồng không thể phá vỡ quan hệ hợp tác Nga-Mỹ.

Nước Nga rất cần vốn đầu tư của phương Tây và cơ hội buôn bán. Ngược lại, lợi ích sống còn của Nga không phải là mối đe dọa đối với phương Tây.

Kết luận

Chính sách đối ngoại của Nga với phương Tây là một vấn đề khiến người ta giải thích rất khác nhau, nhưng nói chung nó vẫn có tính liên tục nhất định. Sau khi nhậm chức Bộ trưởng Ngoại giao, ông Primakov đề ra một học thuyết đối ngoại mới được duy trì đến ngày nay. Học thuyết Primakov tập trung quanh ba khái niệm: vị thế cường quốc lớn của Nga, lợi ích quốc gia, và thế giới đa cực. Ông chọn cách tiếp cận thực dụng, hướng về hòa giải.

Tổng thống Putin tiếp tục chủ trương đó, thậm chí còn đẩy mạnh thêm tính chất thực dụng của chính sách đối ngoại Nga. Ông có thay đổi đường lối của Primakov ở hai mặt: Thứ nhất, nhấn mạnh xu hướng đa phương thay cho xu hướng đa cực; Thứ hai, kinh tế hóa chính sách đối ngoại. Dưới thời Putin, đường lối đối ngoại thận trọng với phương Tây là cách lựa chọn có chủ tâm, vì xu hướng thực dụng được coi là phục vụ tốt nhất cho lợi ích nước Nga trong hoàn cảnh này, khi Nga không có cách lựa chọn nào khác.

Nước Nga tương đối thành công trong đường lối thực dụng này, đang hội nhập vào nền kinh tế thế giới, đó là thành viên của diễn đàn G8. Thương lượng về việc gia nhập WTO tuy diễn ra chậm chạp, nhưng chắc

chắn Nga sẽ được kết nạp vào tổ chức này. Liên bang Nga đã xây dựng được quan hệ đối tác tương đối ổn định với EU. Mặc dầu còn một số điểm bất đồng quan trọng, nhưng quan hệ đối tác này có tầm quan trọng rất lớn đối với Nga, vì nó mở ra nhiều triển vọng kinh tế.

Quan hệ giữa Nga với Hoa Kỳ có nhiều thăng trầm hơn, nhưng chưa bao giờ mối liên hệ song phương bị phá vỡ, vì lợi ích của Mỹ và phương Tây không phải là mối đe dọa đối với Nga. Ngược lại, Nga không phải là một nguy cơ nghiêm trọng đối với phương Tây. Nước Nga cần được phương Tây giúp đỡ để thực hiện cải cách trong nước và phục hồi kinh tế.

Trong hoàn cảnh tương đối yếu và cô lập, chính sách ngoại giao thực dụng có lẽ là cách tốt nhất để Nga đạt mục tiêu của mình. Nga đã không thể ngăn cản được sự mở rộng của NATO, nhưng sự bành trướng đó không trở thành một chướng ngại lâu dài cho quan hệ với phương Tây. Như vậy, Nga có cơ hội thúc đẩy những lợi ích quan trọng khác. Chính sách đối ngoại thực dụng của Tổng thống Vladimir Putin vẫn cho phép nước Nga theo đuổi mục đích riêng của mình dù không làm phương Tây hài lòng, thí dụ bán vũ khí hay công nghệ hạt nhân cho Iran. Điều đó cho thấy ta không nên nhầm đường lối thực dụng, hướng về hòa giải với phương Tây là một chính sách thân phương Tây không điều kiện.

Tài liệu tham khảo

- International Studies 2006.
- International Politics 2007.